TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22A/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Từ Minh Hải;

- ÔNg Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa:Vi Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giangtham gia phiên tòa:Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Trong ngàycác ngày 21/4/2020 và 21/5/2020tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:667/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Quang Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn C – Th, xã T, huyện L1, tỉnh Bắc Giang(có mặt).

2. Bị đơn: Chị Giáp Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn S, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H2 (mẹ chị H), sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Sơ, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NHẬN THẤY:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theoanh Vũ Quang Trlà nguyên đơn trình bày: Anh và chị Giáp Thị H kết hôn ngày 30/9/2015 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L1. Sau khi cưới, hai vợ chồng về sống chung cùng nhau ngay;anh và chị Hsống hòa thuận, hạnh phúc và có 01 con chung. Đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chịH đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 1 con chung là Vũ Thu H1, sinh ngày 18/7/2016, hiện nay con chung đang ở cùng anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung. Hiện anh đang làm việc tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Hoàng Đức, mức lương trung bình là 7,5 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con:Anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu giải quyết.

* **Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theochị Giáp Thị H là bị đơn trình bày**:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh Tr trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là dovào tháng 6 năm 2019, chị về nhà bố mẹ đẻ ở để dưỡng bệnh, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Khi chị quay trở về thì anhTr và gia đình nhà chồng có đuổi chị, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Tr xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Chị và anh Trcó 01 con chung là Vũ Thu H1, sinh ngày 18/7/2016, hiện nay con chung đang ở cùng anhTr. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung. Hiện tại chị đang ở nhà bố mẹ đẻ, nhà làm nông nghiệp, ngoài ra chị còn đi phụ xây, mức lương là 240.000đồng/ngày. Đủ điều kiện nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Tại công văn số 02/YC-VKS-DS ngày 24/3/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam xác định chị Giáp Thị H bị bãi liệt, không nhanh nhẹn, nhận thức chậm. Đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng với bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ của chị H với tư cách là người giám hộ cho chị H.

Tại phiên tòa hôm nay anh Tr không rút đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn anh Tr trình bày:Sau khi kết hôn anh và chị H đã có nhiều điểm không hợp nhau, chị H không biết làm gì, mọi việc trong gia đình anh phải hướng dẫn thì chị H mới biết làm, không tự nấu cơm, đi chợ; không làm được chăn nuôi hay nông nghiệp, việc gì anh cũng phải bảo chị H, hai vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên; anh đi làm công nhân, về lại làm việc nhà và chăm sóc con. Tháng 6-2019 vợ chồng lại mâu thuẫn, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung làVũ Thu H1, sinh ngày 18/7/2016, nếu ly hôn anh xin nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh xin nuôi con là: Từ trước đên nay anh vẫn nuôi, chị H không biết chăm con, nấu thức ăn cho con bữa sống, bữa chín; không biết đi chợ mua đồ cho con, con ốm không biết đưa đi viện, bác sĩ dặn cho con uống thuốc không nhớ, thường xuyên nhầm thuốc. Nếu để chị H nuôi con là không đảm bảo. Anh nuôi con, anh vẫn tạo điều kiện cho chị H đến thăm con và cho con về thăm ông bà ngoại, anh không cản trở việc này bao giờ.

Hiện tại anh làm công nhân, thu nhập 7,5 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Ngoài ra anh con còn được sự hỗ trợ của gia đình. Từ ngày vợ chồng ly thân, anh vẫn nuôi con khỏe mạnh bình thường.

Về tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị H trình bày: Anh Tr xin ly hôn chị xác định không còn tình cảm với anh Tr, nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tr có một con chung như anh Tr trình bày, hiện con chung đang ở với anh H. Nếu ly hôn chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin nuôi con là: Hiện tại chị đang làm phụ xây, thu nhập 240.000đồng/ngày, ngoài ra làm nông nghiệp tại địa phương, chị còn có bố mẹ đẻ hỗ trợ, nên đủ điều kiện nuôi con. Chị nhận thức chậm, nhưng không phải mắc bệnh tâm thần, chị vẫn lao động bình thường, vẫn làm được công việc gia

đình, vẫn đi chợ, mua thức ăn, nấu nướng phục vụ con và gia đình được. Ngoài ra chị còn có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ, nên chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị và anh Tr không có tài sản chung gì đáng giá, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị H2là mẹ chị H trình bày: Anh Tr trình bày tại phiên tòa không đúng. Chị H con bà nhận thức có chậm, nhưng không phải không biết làm gì, chị H hiện tại làm phụ xây, lương 240.000đồng/ngày, ngoài ra còn làm nông nghiệp, đủ điều kiện nuôi con. Các công việc hàng ngày chị H vẫn làm bình thường, vẫn đi xe đạp điện đi làm và về L1 thăm con, cách đây 1 tháng chị H có về thăm con và cho cháu về thăm ông bà ngoại. Đề nghị Tòa án giao con cho chị H nuôi, gia đình bà đảm bảo hỗ trợ nuôi con cho chị H.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Namphát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS);

Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân:Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Quang Tr và chị Giáp Thị H.

- Về con chung: Giao cho anh Vũ Quang Trtrực tiếp nuôi hai con chung là Vũ Thu H1, sinh ngày 18/7/2016.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản: Không đặt ra xem xét;

- Về án phí: Anh Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật:Anh Vũ Quang Tr có đơn xin ly hôn với chị Giáp Thị H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:Chị Giáp Thị H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thụ lý vụ án là đúng qui định.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Quang Trvà chị Giáp Thị H kết hôn ngày 30/9/2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L1, tỉnh Bắc Giang. Nên đâylà hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh Tr và chị H về sống chung với nhau ngay, hai người chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có một con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tháng 6 năm 2019, chị Hvề nhà bố mẹ đẻ ở để dưỡng bệnh, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Khi chị Hquay trở về thì anh Tr không chấp nhận, từ đó vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần, nhưng cả anh Tr và chị H giữ nguyên ý kiến xác định tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên toà cả hai đều đồng ý ly hôn. Chứng tỏ vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tr và chị H.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự trình bày có một con chung là Vũ Thu H1, sinh ngày 18/7/2016. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Tr. Nay ly hôn, anh

Trvà chị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Xét thấy:Việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là quyền và nghĩa vụ của cả bố và mẹ, các bên có nguyện vọng nuôi con đều là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên cần căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên để giao con chung.

Hiện nay anh Tr làm công nhân, mức lương trung bình là 7.500.000đ/tháng (có xác nhận của Công ty TNHH xuất nhập khẩu HĐ, tại bút lục số 27), có nơi ở và công việc ổn định; chị H hiện làm nông nghiệp, ngoài ra còn làm thêm phụ xây, một ngày công là 240.000 đồng, chịH đang ở chung cùng bố mẹ đẻ, điều kiện gia đình tốt, tuy nhiên bản thân chị H nhận thức chậm, không nhớ, hay quên(bà H2 là mẹ đẻ chị H xác nhận việc này tại phiên tòa và lời khai tại bút lục số 48). Để đảm bảo cho việc nuôi dậy con được tốt và các quyền lợi khác của con, nên cần giao cho anh Tr nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chịHthực hiện quyền này là phù hợp với các Điều 58 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5]. Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị đưa bà Nguyễn Thị H2 vào tham gia tố tụng, với tư cách là người giám hộ cho chị H. Với lý do: Chị Hbị bãi liệt, không nhanh nhẹn, nhận thức chậm.

Xét thấy: Việc cung cấp chứng cứ là quyền và nghĩa vụ của đương sự (khoản 1 Điều 6 và khoản 5 Điều 70 của BLTTDS). Các tài liệu chị H cung cấp cho Tòa án, không có tài liệu nào thể hiện chị H bị bệnh bãi liệt, không nhanh nhẹn, nhận thức chậm, ảnh hưởng đến trí tuệ. Tại phiên tòa chị H trình bày vẫn lao động bình thường và cung cấp chứng cứ cho Tòa án không bị bệnh ảnh hưởng đến thể chất, tâm thần.

Tại khoản 3 Điều 69 của BLTTDS qui định: *"3. Đương sự là người từ đủ mười tám tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, trừ người mất năng lực hành vi dân sự hoặc pháp luật có quy định khác.*

Đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì năng lực hành vi tố tụng dân sự của họ được xác định theo quyết định của Tòa án".

Tại khoản 1 Điều 23 của Bộ luật dân sự qui định: *"1. Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ".*

Việc kết luận: "*Một người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*" là thuộc thẩm quyền của Tòa án (khoản 1 Điều 27 của BLTTDS).

Tòa án cũng đã giải thích cho chị H, bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ và ông Giáp Văn T là bố đẻ chịH biết quyền yêu cầu tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn về nhận thức, làm chủ hành vi. Nhưng chị H và gia đình không thực hiện việc này và khẳng định chị H không bị bệnh gì.

Đến nay Tòa án cũng chưa có quyết định chị H liên quan đến một trong các nội dung trên.

Mặt khác từ Điều 75 đến Điều 90 của BLTTDS không qui định người giám hộ cho đương sự. Tại khoản 4 Điều 69 qui định về người đại diện hợp pháp của đương sự và Điều 88 BLTTDS qui định: Chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự. Do đó VKS đề nghị xác định bà Hào là người giám hộ là không có căn cứ.

Do đó không có căn cứ xác định chị Hbị bãi liệt, không nhanh nhẹn, nhận thức chậm và đưa bà Hào vào tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ cho chị H như Viện kiểm sát đề nghị.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Tr phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Quang Tr và chị Giáp Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Quang Trtrực tiếp nuôi con chung là Vũ Thu H1, sinh ngày 18/7/2016.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chịH thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Vũ Quang Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002912 ngày 19/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận anh Tr đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L1;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Dương Thế Vinh